TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/DS- ST
Ngày 20-11-2019
V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Chức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Hạnh và bà Hoàng Vạn Sinh.

Thư ký phiên tòa: Ông nguỵ Thế Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toản – Kiểm sát viên.

Ngày 20/11/2019, tại Phòng xét xử, trụ sở Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2019/TLST-DS ngày 23/7/2019 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXXST-DS ngày 09/10/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 43 /2019/QĐST-DS ngày 28/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Châu Thị Lệ H. Địa chỉ: Số 174 đường Y , phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Hữu T và bà Trương Thị G. Cùng địa chỉ: thôn H, xã T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người Làm chứng:

Chị Nguyễn Thị Thanh T. Địa chỉ: Số 233 đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn bà Châu Thị Lệ H trình bày: Giữa bà và vợ chồng ông Nguyễn Hữu T, bà Trương Thị G có mối quan hệ là người quen biết, vợ chồng ông T có vay tiền của bà H nhiều lần, sau khi vay trả và xác nhận công nợ với nhau tính đến ngày 07/7/2018 Vợ chồng ông T và bà G xác nhận còn nợ bà H 554.164.000đồng và có thế chấp một xe ô tô BKS 47C 121.92, giấy đăng ký xe số 015776 do Công an tỉnh Đăk Lăk cấp ngày 09/3/2016 mang tên ông Nguyễn Hữu T để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Đến ngày 23/5/2019 vợ chồng ông T trả

được 150.000.000đồng và mượn lại giấy đăng ký xe để tiến hành khám đăng kiểm, số tiền còn lại 404.164.000đồng hẹn trả vào ngày 30/6/2019. Đã quá hạn trả nợ theo thoả thuận, mặc dù nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng ông T cố tình trốn tránh khôm trả. Nay bà H yêu cầu vợ chồng ông T, bà G phải liên đới trả cho bà số nợ 404.164.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Hữu T và bà Trương Thị G mặc dù đã nhận thông báo thụ lý vụ án, được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng biết việc bà H khởi kiện đòi nợ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, việc ông T, bà G cố tình trốn tránh, không đến tòa án để giải quyết vụ kiện là tự mình tước đi của mình quyền được pháp luật bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân. Vì vậy ông T, bà G phải gánh chịu hậu quả bất lợi về mặt pháp lý của việc Tòa án giải quyết vắng mặt bị đơn, trên cơ sở chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp.

Ý kiến của người làm chứngchị Nguyễn Thị Thanh T: Vào ngày 23/5/2019 tôi có làm chứng giữa chị H và vợ chồng ông T, bà G hai bên xác nhận công nợ số tiền là 554.146.000đồng, sau đó vợ chồng ông T, bà G trả cho chị H 150.000.000đồng, còn lại 404.146.000đồng hẹn đến 30/6/2019 sẽ trả hết cho chị H và mượn lại cà vẹt xe ô tô để đi đăng kiểm. Đây là nội dung sự việc tôi có chứng kiến và ký vào biên bản thoả thuận xác nhận nợ, tôi cam đoan lời khai của tôi đúng sự thật nếu sai trái tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm, ngoài ý kiến trên tôi không trình bày gì thêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự, còn đối với người tham gia tố tụng khác mặc dù đã được toà án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc toà án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà là có căn cứ nên buộc bị đơn vợ chồng ông T, bà G phải trả cho bà H số tiền 404.164.000đồng, không yêu cầu tính lãi là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên toà các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Tranh chấp hợp đồng dân sự" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự thủ tục tố tụng*:* Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết vụ án bị đơn, đã được niêm yết thông báo thụ lý vụ án, được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên không thể công khai chứng cứ, tiến hành đối chất, hoà giải và xét xử được theo quy định tại Điều 205, Điều 207, Điều 208 BLTTDS. Do vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Do có mối quan hệ quen biết nên bà H có cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu T, bà Trương Thị G vay tiền nhiều lần, sau khi vay trả và xác nhận công nợ với nhau tính đến ngày 07/7/2018 Vợ chồng ông T và bà G xác nhận còn nợ bà H 554.164.000đồng và có thế chấp một xe ô tô BKS 47C 121.92, giấy đăng ký xe số 015776 do Công an tỉnh Đăk Lăk cấp ngày 09/3/2016 mang tên ông Nguyễn Hữu T để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Đến ngày 23/5/2019 vợ chồng ông T trả được 150.000.000đồng và mượn lại giấy đăng ký xe để tiến hành khám đăng kiểm, số tiền còn lại 404.164.000đồng hẹn trả vào ngày 30/6/2019. Đã quá hạn trả nợ theo thoả thuận, mặc dù nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng ông T cố tình trốn tránh không trả và cũng không đến toà để giải quyết.

Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký của vợ chồng ông Nguyễn Hữu T và bà Trương Thị G trong giấy biên bản thoả thuận-xác nhận nợ ngày 23/5/2019. Tại Kết luận giám định số 104/PC09 ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Hữu T dưới mục" Chồng – Ký xác nhận bên nợ (bên B) trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Hữu T trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 **là do cùng một người ký và viết ra;** chữ ký, chữ viết mang tên Trương Thị G dưới mục" Vợ – Ký xác nhận bên nợ (bên B) trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết, chữ ký đứng tên Trương Thị G trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 **là do cùng một người ký và viết ra.**

Như vậy việc bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Hữu T và bà Trương Thị G phải trả cho bà H số tiền đã vay còn nợ lại là 404.164.000đồng tiền gốc là có căn cứ phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sự thừa nhận của nguyên đơn, người làm chứng và kết quả giám định nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Về lãi suất, bà H không yêu cầu tính lãi đây là sự định đoạt của đương sự cần chấp nhận không đặt ra để giải quyết.

[4] Về chi phí giám định: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà H yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của vợ chồng ông Nguyễn Hữu T và bà Trương Thị G. Bà H đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định là 6.000.000đồng, đã chi phí cho việc giám định hết 5.840.000đồng. Kết quả giám định kết luận chứng minh yêu cầu của bà H là có căn cứ nên bà H không phải chịu tiền chi phí giám định. Vợ chồng ông Nguyễn Hữu T và bà Trương Thị G phải chịu 5.840.000đồng tiền chi phí giám định. Hoàn trả lại cho bà H số tiền 5.840.000đồng sau khi thu được từ vợ chồng ông Nguyễn Hữu T và bà Trương Thị G là phù hợp với các Điều 161, 162 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Hữu T và bà Trương Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 khoản 2 Điều 91, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 96, Điều 144; Điều 147; Điều 161; Điều 162; Điều 205, Điều 207, Điều 208, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu của bà Châu Thị Lệ H, buộc vợ chồng ông Nguyễn Hữu T và bà Trương Thị G phải trả cho bà H số tiền 404.164.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí giám định: vợ chồng ông Nguyễn Hữu T và bà Trương Thị G phải chịu 5.840.000đồng tiền chi phi giám định. Hoàn trả lại cho bà H số tiền tạm ứng chi phí giám định là 5.840.000đồng sau khi thu được từ vợ chồng ông Nguyễn Hữu T và bà Trương Thị G.

Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn Hữu T và bà Trương Thị G phải chịu 20.166.560đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Châu Thị Lệ H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.083.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0000164 ngày 23/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THA dân sự thị xã Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Hoàng Minh Chức